

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Công nghệ may

Mã ngành, nghề: 6540204

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2,5 năm học

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả ngành, nghề đào tạo:

Công nghệ may trình độ cao đẳng là ngành, nghề nhằm đáp ứng nhu cầu may mặc của con người với những sản phẩm đa dạng được thực hiện từ quá trình nghiên cứu thiết kế mẫu sản xuất, cắt, may, hoàn thiện... thông qua hệ thống tổ chức quản lý sản xuất theo dây chuyền công nghiệp, đảm bảo về tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm ngành, nghề Công nghệ may có thể trực tiếp làm các vị trí trong doanh nghiệp từ thiết kế mẫu sản xuất, xây dựng tài liệu kỹ thuật, may mẫu, triển khai sản xuất, tham gia hoặc điều hành các công đoạn may dây chuyền, kiểm tra chất lượng toàn diện nhằm đảm bảo về tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm. Nhiệm vụ chính của ngành, nghề là: Thiết kế mẫu sản xuất, tổ chức triển khai sản xuất đảm bảo về các tiêu chuẩn của sản phẩm.

Ngành, nghề Công nghệ may thực hiện trong điều kiện môi trường chuyên nghiệp với trang thiết bị máy móc hiện đại như: Máy may điện tử, máy ép mex công nghiệp, thiết bị là hiện đại, phần mềm thiết kế, nháy mẫu, giác sơ đồ tự động... đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, yêu cầu khắt khe của thị trường.

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Học xong chương trình cao đẳng ngành công nghệ may, sinh viên được trang bị kiến thức chung về khoa học giáo dục đại cương; kiến thức và kỹ năng chuyên môn để trở thành kỹ thuật viên về thiết kế sản phẩm và thiết kế qui trình công nghệ gia công sản phẩm may mặc. Ngoài ra, sinh viên còn được đào tạo kiến thức và kỹ năng về khoa học quản lý để quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý đơn hàng và tổ chức quản lý điều hành chuyên sản xuất hàng may.

Chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành công nghệ may trang bị cho người học kiến thức, hình thành và rèn luyện kỹ năng về tin học cũng như tiếng anh chuyên ngành cho sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Kiến thức:

2.2.1.1. Kiến thức đại cương

- Biết được các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất trong học tập, rèn luyện, lao động và các hoạt động khác;
- Biết được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản;
- Biết được các kiến thức về ngoại ngữ cơ bản.

2.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- Phân tích được đặc điểm hình dáng, kết cấu sản phẩm thông qua mẫu hình ảnh, tài liệu kỹ thuật, sản phẩm mẫu;
- Phân tích được đặc điểm hình dáng, nhân trắc cơ thể người;
- Trình bày được các nguyên tắc đảm bảo an toàn điện trong lao động sản xuất
- Trình bày được quy trình vận hành các thiết bị may, thiết bị tự động, bán tự động, dụng cụ may công nghiệp;
- Trình bày được các kiến thức mỹ thuật cơ bản trong lĩnh vực may mặc, nguyên tắc phối màu trang phục
- Phân tích được quy trình, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm may;

2.2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Phân tích được các điều kiện cần thiết cho quá trình thiết kế, may mẫu, thiết kế và triển khai sản xuất;
- Phân tích được các đặc điểm, tính chất, cách bảo quản nguyên vật liệu may;
- Phân tích được quy trình xây dựng tài liệu kỹ thuật;
- Trình bày được phương pháp xây dựng định mức nguyên phụ liệu;
- Phân tích được quy trình tính định mức tiêu hao nguyên phụ liệu, lập bảng màu;
- Phân tích được quy trình thiết kế dây chuyền và triển khai dây chuyền sản xuất;
- Trình bày được quy trình may mẫu chế thử, mẫu đối và mẫu triển khai sản xuất;
- Phân tích được quy trình quản lý tổ sản xuất và giải quyết các sự cố trên chuyền;
- Trình bày được quy trình thiết kế mẫu rập, mẫu triển khai sản xuất trên giấy, manocanh, phần mềm thiết kế;
- Trình bày được phương pháp nhẩy mẫu giữa các cỡ, giác và in sơ đồ trên máy tính;
- Phân tích được các dạng sai hỏng trong quá trình thiết kế rập, may mẫu, thiết kế, triển khai dây chuyền sản xuất;
- Phân tích được các sự cố trong quá trình thiết kế mẫu sản xuất, may mẫu, xây dựng tài liệu kỹ thuật, thiết kế dây chuyền, triển khai sản xuất, quản lý tổ sản xuất, may dây chuyền và giác sơ đồ;
- Trình bày được các quy trình sản xuất dây chuyền Lean;
- Trình bày được quy trình áp dụng 5S trong công đoạn, vị trí thực hiện;

2.2.2. Kỹ năng:

2.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Sử dụng thành thạo các thiết bị may, thiết bị tự động, bán tự động dụng cụ, cỡ gá may công nghiệp;
- Thiết kế được từ sản phẩm đơn giản đến cao cấp bằng phương pháp thiết kế trên manocanh;
- Nhẩy mẫu chính xác giữa các cỡ từ sản phẩm đơn giản đến cao cấp;
- Khai thác tốt các phần mềm phục vụ trong ngành may: Thiết kế, nhẩy mẫu và giác sơ đồ trên máy tính;
- Xây dựng được tài liệu kỹ thuật may, trải vải cắt bán thành phẩm, ủi ép, giặt mài làm sạch, bao gói và định mức tiêu hao nguyên phụ liệu;
- Ứng dụng được một số công nghệ wash, in, nhuộm trên mặt hàng may mặc
- Lập được bảng màu, quy trình may sản phẩm;

T
T
CA
NH
T
TH
HC
1

- Thiết kế và triển khai được dây chuyền sản xuất;
- May mẫu chế thử, mẫu đối và mẫu triển khai sản xuất đúng quy trình đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm may, nguyên phụ liệu đầu vào, trái vải cắt bán thành phẩm, ủi ép, hoàn thiện đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Quản lý tốt tổ sản xuất và giải quyết được các sự cố trên chuyền;
- Xử lý được các dạng sai hỏng trong quá trình thiết kế rập, may mẫu, thiết kế, triển khai dây chuyền sản xuất;
- Xử lý được các sự cố trong quá trình thiết kế mẫu sản xuất, may mẫu, xây dựng tài liệu kỹ thuật, thiết kế dây chuyền, triển khai sản xuất, quản lý tổ sản xuất, may dây chuyền và giác sơ đồ;
- Triển khai được quy trình áp dụng 5S trong công đoạn, vị trí thực hiện;

2.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Ứng dụng được tiếng Anh vào công việc chuyên môn của ngành, nghề..
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Giao tiếp hiệu quả; giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, làm việc nhóm và quản lý thời gian hiệu quả; thích nghi với môi trường làm việc trong tương lai.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm;
- Có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, phân tích xử lý công việc từ các bộ phận;
- Có khả năng nghiên cứu, nhạy bén cập nhật kiến thức mới vào quá trình thực hiện công việc;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Nhân viên thiết kế mẫu sản xuất;
- Nhân viên may mẫu;
- Nhân viên may dây chuyền;
- Nhân viên giác sơ đồ;
- Nhân viên xây dựng tài liệu kỹ thuật;
- Nhân viên thiết kế dây chuyền sản xuất;
- Nhân viên kiểm tra chất lượng;
- Nhân viên kỹ thuật triển khai sản xuất

- Nhân viên quản lý tổ sản xuất.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2490 giờ, (tương đương: 99 tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 32
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ, (tương đương: 19 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2055 giờ (tương đương: 80 tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 777 giờ (31%);
- Khối lượng thực hành, thực tập: 1713 giờ (69%).

5. Bảng tổng hợp năng lực ngành, nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản	
1	NLCB-01	Rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp Luật của Nhà nước
2	NLCB-02	Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật
3	NLCB-03	Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.
4	NLCB-04	Vận dụng kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
5	NLCB-05	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
6	NLCB-06	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; ứng dụng được ngoại ngữ trong việc hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân.
7	NLCB-07	Ứng dụng công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và làm việc
II	Năng lực cốt lõi	
1	NLCL-01	Phân tích được đặc điểm hình dáng, kết cấu sản phẩm may thông qua mẫu hình ảnh, lập được bản vẽ kỹ thuật chuyên ngành may
2	NLCL-02	Phân tích được đặc điểm hình dáng, nhân trắc cơ thể người
3	NLCL-03	Trình bày được các nguyên tắc đảm bảo an toàn điện trong lao động sản xuất
4	NLCL-04	Sử dụng thành thạo các thiết bị may, thiết bị tự động, bán tự động, dụng cụ, cỡ gá may công nghiệp;
5	NLCL-05	Trình bày được các kiến thức mỹ thuật cơ bản trong lĩnh vực may mặc, nguyên tắc phối màu trang phục,
6	NLCL-06	Quản lý chất lượng sản phẩm may

HÀN
LƯƠN
O ĐÃ
E - KỶ
ANH
CHÍ
★

III	Năng lực nâng cao	
1	NLNC-01	May các đường may cơ bản, vận dụng may các chi tiết trên áo, quần
2	NLNC-02	Cắt, may áo sơ mi, quần tây
3	NLNC-03	Thiết kế trang phục nữ từ cơ bản đến nâng cao
4	NLNC-04	Cắt, may trang phục nữ từ cơ bản đến nâng cao
5	NLNC-05	Cắt, may áo jacket 1 lớp, 2 lớp
6	NLNC-06	Cắt, may áo dài cơ bản và biến kiểu
7	NLNC-07	Nhảy mẫu, giác sơ đồ và in sơ đồ trên máy tính
8	NLNC-08	Thiết kế và triển khai dây chuyền sản xuất
9	NLNC-09	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản trong ngành may
10	NLNC-10	Nhảy mẫu, tác nghiệp, giác sơ đồ
11	NLNC-11	Thiết kế, cắt may bộ sưu tập theo quy trình công nghệ
12	NLNC-12	Thiết kế được những bộ rập mẫu thời trang bằng cách tạo mẫu trên nền block cơ bản
13	NLNC-13	Cắt, may áo vest nữ 1 lớp, 2 lớp
14	NLNC-14	Thiết kế phụ kiện thời trang phù hợp với trang phục
15	NLNC-15	Sử dụng được phần mềm Corel để vẽ mẫu mô tả phẳng các đặc điểm, hình dáng, cấu trúc chi tiết trên áo quần
16	NLNC-16	Thực tập thực tế tại doanh nghiệp
17	NLNC-17	Thiết kế mẫu thời trang trên mannequin
18	NLNC-18	Ứng dụng được một số công nghệ wash, in, nhuộm trên mặt hàng may mặc

6. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH3108021	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH3108103	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH3109105	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH3109022	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH3107209	Tiếng Anh 1	2	60	22	35	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH3107210	Tiếng Anh 2	2	60	20	37	3
MH3101201	Tin học	3	75	15	58	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	80	2055	571	1401	83
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	15	300	144	137	19
MH3062400	Vẽ kỹ thuật ngành may	3	60	30	26	4
MH3062401	Cơ sở thiết kế trang phục	2	45	15	28	2
MH3062402	An toàn lao động	3	45	42	0	3
MĐ3062403	Thiết bị may	2	45	15	27	3
MĐ3062404	Vẽ mỹ thuật trang phục	3	75	15	56	4
MH3062222	Quản lý chất lượng trang phục	2	30	27	0	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	59	1605	397	1150	58
MĐ3062405	Thực tập kỹ thuật may cơ bản	2	90	0	87	3
MĐ3062406	Kỹ thuật cắt may trang phục nam	4	90	30	52	8
MH3062407	Thiết kế trang phục nữ	5	75	71	0	4
MĐ3062408	Thực tập cắt may trang phục nữ	3	135	0	130	5
MĐ3062409	Kỹ thuật cắt may áo jacket	3	75	15	57	3
MĐ3062410	Kỹ thuật cắt may áo dài	3	75	30	42	3
MĐ3062411	Thiết kế rập	4	90	30	55	5
MH3062412	Công nghệ sản xuất	4	75	45	26	4
MH3062413	Anh văn chuyên ngành may	4	60	56	0	4
MĐ3062414	Nhảy mẫu và giác sơ đồ	4	90	30	57	3
MĐ3062415	Đồ án công nghệ may	2	90	0	87	3
MH3062416	Tạo mẫu trang phục	3	60	30	28	2
MĐ3062417	May áo vest nữ	4	90	30	57	3
MĐ3062418	Thiết kế phụ kiện thời trang	3	75	15	57	3
MĐ3062419	Đồ họa trang phục (corel draw)	3	75	15	55	5
MĐ3062215	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	360	0
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	6	150	30	114	6
MĐ3062420	Khóa luận tốt nghiệp	6	180	0	180	0
MĐ3062421	Thiết kế mẫu trên mannequin	3	75	15	57	3
MĐ3062422	Công nghệ wash, in, nhuộm sản phẩm may	3	75	15	57	3
Tổng cộng		99	2490	728	1656	106

